

Số 3371-BC/BCSD

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: - Thường trực Tỉnh ủy,  
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,  
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên,

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết số 01-NQ/TU), Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên Quý I năm 2024, như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số, cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành các văn bản triển khai thực hiện.<sup>1</sup>

UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: Số 14/KH-UBND ngày 24/01/2024 kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024; số 222/KH-UBND ngày 20/02/2023 Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, ban hành kế hoạch, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 phù hợp với điều kiện thực tế.

#### II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu cơ bản đặt ra đến năm 2025 tại Nghị quyết số 01-NQ/TU gồm 15 chỉ tiêu (Có phụ lục Đánh giá các chỉ tiêu kèm theo).

<sup>1</sup> Các văn bản của UBND tỉnh: Công văn số 141/UBND-KGVX ngày 11/01/2024 V/v triển khai Đề án Kiến toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2024 về Tổ chức Hội nghị trực tuyến sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án 06; triển khai nhiệm vụ năm 2024; Công văn số 708/UBND-KGVX ngày 20/02/2024 V/v triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Thông báo số 27/TB-UBND ngày 11/3/2024 về Kết luận của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Quang Tiến tại Hội nghị trực tuyến sơ kết 02 năm thực hiện Đề án 06 và triển khai nhiệm vụ năm 2024.

## 2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ

### 2.1. Nhận thức số

#### a) Tuyên truyền về chuyển đổi số

Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU trên địa bàn tỉnh; phổ biến, quán triệt nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và Truyền thông tích cực tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh tiếp tục duy trì các chuyên mục, chuyên trang tuyên truyền về chuyển đổi số trên các ấn phẩm báo chí và phương tiện truyền thông<sup>2</sup>. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt việc xây dựng và duy trì đều đặn chuyên mục chuyển đổi số trên trang thông tin của đơn vị.

Các cơ quan báo chí của tỉnh, Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện tuyên truyền về công tác chuyển đổi số đến các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số. Phối hợp với các cơ quan báo chí có sức lan tỏa lớn như: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Truyền hình Quốc hội, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Nhân Dân, Báo VietNamNet, Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC,... kịp thời đưa tin, bài, phóng sự phản ánh đậm nét về Thái Nguyên trong việc triển khai Chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Báo Thái Nguyên xây dựng, duy trì nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số trên các báo in, báo điện tử. Từ đầu năm đến nay Báo Thái Nguyên đã đăng tải trên 40 tin, bài, ảnh, video, infographic tuyên truyền về chuyển đổi số (bằng 66,7% so với cùng kỳ năm 2023).

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện tuyên truyền có hiệu quả trên các nền tảng: Trang Thông tin điện tử “<http://www.thainguyentv.vn>”; ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh App TNTV; trên YouTube; trên Facebook; Kênh Tiktok và Kênh ZaloOA Truyền hình Thái Nguyên<sup>3</sup>. Chuyên mục Chuyển đổi số được đều đặn sản xuất và phát sóng 1 chuyên mục/tháng.

<sup>2</sup> Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tập trung tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU tại các hội nghị giao ban báo chí, báo cáo viên, công tác viên dư luận xã hội hằng tháng; chỉ đạo đội ngũ báo cáo viên toàn tỉnh tích cực tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và cán bộ, đảng viên, Nhân dân về việc triển khai thực hiện Nghị quyết; vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh... Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền về Nghị quyết số 01-NQ/TU; những kết quả trong triển khai thực hiện Nghị quyết ở các cấp, ngành, địa phương; kịp thời phản ánh những tập thể, cá nhân thực hiện đạt kết quả tốt, các mô hình tiêu biểu để nhân rộng.

<sup>3</sup> Kênh Fanpage Facebook “Đài Phát thanh Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” thu hút 260.000 người theo dõi thường xuyên, trung bình 2 triệu lượt xem/ tháng, tiếp cận 2,5 - 4 triệu lượt khán giả/ tháng.

- Kênh Tiktok “Thainguyen.tv” thu hút 180.000 lượt theo dõi thường xuyên với trên 1,3 triệu lượt xem.

- Kênh Zalo “Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” đăng tải 40 sản phẩm báo chí/ tháng.

- Kênh Youtube “Truyền hình Thái Nguyên - TNTV” thu hút 30.000 sub, hơn 4,5 triệu phút xem của khán giả.

- Ứng dụng OTT/TNTV tính đến 27/02/2024 đã có hơn 20.000 thiết bị cài đặt.

Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải 50 tin, bài, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. Chuyên trang chuyển đổi số Thái Nguyên (<http://chuyendoiso.thainguyen.gov.vn>) đã sản xuất 114 tin, bài về các hoạt động Chuyển đổi số trong địa bàn tỉnh.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông cấp huyện đã xây dựng chuyên mục “Tuyên truyền chuyển đổi số” phát sóng định kỳ 01-02 số/tháng. Bên cạnh đó, Đài truyền thanh cấp xã thường xuyên tiếp sóng các chương trình truyền thanh tuyên truyền về chuyển đổi số của cơ sở truyền thanh cấp huyện và các chương trình thời sự của Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh.

#### b) Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên mạng xã hội

Phát huy thế mạnh của mạng xã hội trong công tác truyền thông, các cơ quan báo chí, tuyên truyền của tỉnh đã đăng tải hàng trăm tin, bài, phóng sự, video trên các ứng dụng như Zalo, Facebook, YouTube, Tiktok... để truyền tải thông tin liên quan đến chuyển đổi số, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân và doanh nghiệp trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU.

Kênh truyền thông "Chuyển đổi số quốc gia" trên ứng dụng Zalo tiếp tục được phổ biến, sử dụng để cập nhật các thông tin mới nhất về chuyển đổi số tới đông đảo mọi tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

## **2.2. Hạ tầng số**

a) Tốc độ truy cập mạng băng rộng trên địa bàn tỉnh: Chỉ số tải xuống (download) ở mạng di động băng rộng: 45 Mbps. Chỉ số đối với mạng cố định băng rộng: 87 Mbps.

b) Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 90%; tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 97%; tỷ lệ hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang đạt 76%.

c) Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện tại có 07 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; 1.820 điểm thu phát sóng điện thoại di động (trạm BTS). Hiện đang hướng dẫn các doanh nghiệp Viễn thông xây dựng 60 trạm BTS theo quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động.

Tổng số thuê bao điện thoại cố định là 20.159 thuê bao (tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023), các thuê bao này chủ yếu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, sử dụng; tổng số thuê bao điện thoại di động là 1.796.058 thuê bao (tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2023), đạt 134 thuê bao/ 100 dân (nhiều người sử dụng từ 2 thuê bao trở lên). Trong tổng số 1.796.058 thuê bao điện thoại di động có 1.127.151 thuê bao có sử dụng dịch vụ 3G/4G; tổng số thuê bao truy nhập Internet cố định băng rộng cáp quang cho hộ gia đình là 264.065 thuê bao, đạt 76 thuê bao/100 hộ gia đình; tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định cáp quang đạt 100%.

Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng (cả cố định và di động) là 1.409.160 thuê bao<sup>3</sup> (tăng 5% so với cùng kỳ năm 2023).

d) Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng 3G/4G đạt 99,5%. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 11 thôn, bản chưa có sóng di động 3G/4G, nguyên nhân do địa hình núi cao, hiểm trở khó lắp đặt trạm phát sóng.

đ) Việc triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số: Đã thực hiện cập nhật được 361.315 địa chỉ, trong đó 279.102 địa chỉ được cập nhật từ cơ sở dữ liệu của hệ thống, 82.213 địa chỉ cấp mới; đạt tỷ lệ 99,7% việc thông báo đến chủ sở hữu đối với đối tượng nhà ở cá nhân, hộ gia đình đang có người ở.

### **2.3. Nhân lực số**

a) Đào tạo kỹ năng số cho cán bộ công chức, viên chức

Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 78 học viên là thành viên tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số, nhân sự chuyển đổi số của các sở, ngành, cơ quan báo chí theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng

Triển khai xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho 2.255 Tổ công nghệ số cộng đồng đã thành lập trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2024.

c) Tình hình về đào tạo nhân lực chuyên ngành Thông tin và Truyền thông: Số khoa, số chương trình đào tạo ngành thông tin và truyền thông: 3 khoa (Công nghệ Thông tin; Công nghệ Điện tử và Truyền thông; Truyền thông Đa phương tiện) với 18 chương trình đào tạo<sup>4</sup>.

Số sinh viên đang theo học tại trường: Đúng tiến độ: 8.262; Chậm tiến độ: 1.421. Số sinh viên tốt nghiệp của 18 chương trình đào tạo tính đến hiện tại: 12.677 sinh viên.

### **2.4. An toàn, an ninh mạng**

a) Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng cho các hệ thống phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được tăng cường. Tổ chức giám sát an toàn thông tin 24/7 cho các Hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Công tác giám sát, trực vận hành SOC được thực hiện 24/7. Từ 01/01/2024 - 26/02/2024, Hệ thống phát hiện 1.232.098 lượt truy vấn, dò quét trái phép; ngăn chặn tấn công có chủ đích trên 2.079 lượt, ngăn chặn trên 27.663 thư rác, chặn và xử lý trên 56 thư điện tử chứa mã độc, virus.

<sup>3</sup> Bao gồm: Internet di động băng rộng; Internet cố định băng rộng cáp quang cho hộ gia đình, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

<sup>4</sup> CNTT CLC; Kỹ thuật phần mềm – KNU; Công nghệ Thông tin; An toàn thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Hệ thống thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Quản trị kinh doanh số; Marketing số; Thương mại điện tử; Tin học kinh tế, Thiết kế đồ họa, Công nghệ thông tin quốc tế.

b) Tổng số hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện của tỉnh Thái Nguyên: 46 hệ thống thông tin. Trong đó, số hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ/tương ứng với tỷ lệ trên tổng số hệ thống thông tin là 39/46 hệ thống, đạt tỉ lệ 84,76%.

c) Triển khai phần mềm phòng chống mã độc tập trung (AV) và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố (EDR) cho các máy trạm của các cơ quan nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Công ty cổ phần BKAV triển khai miễn phí phần mềm phòng chống mã độc tập trung (AV) và giải pháp phát hiện, phản ứng lại sự cố (EDR) cho tỉnh Thái Nguyên; hiện tại, Hệ thống quản lý tập trung tại Trung tâm SOC tỉnh Thái Nguyên ghi nhận 2.564 máy tính của các cơ quan, tổ chức nhà nước được cài đặt và chia sẻ dữ liệu mã độc.

### **2.5. Chính quyền số**

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 04 cấp hành chính tiếp tục được phát triển, tạo hạ tầng truyền dẫn ổn định, an toàn; kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Hoàn thành triển khai hạ tầng kết nối, giám sát mạng truyền số liệu chuyên dùng đối với 36 kênh cấp tỉnh, huyện và 177/177 kênh cấp xã, phường.

b) Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Từ 01/01/2024 đến ngày 28/02/2024, tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP là hơn 276.234 giao dịch.

c) Kết quả triển khai Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phối hợp số 93/KHPH-TCTĐA06-UBND ngày 30/6/2023 về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06/CP tại tỉnh Thái Nguyên. Đã hoàn thành tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VneID trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành tích hợp 53/53 Dịch vụ công thiết yếu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, và kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để khai thác dữ liệu theo đúng tiến độ của các bộ, ngành, trung ương.

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/02/2024, đã thu nhận 10.956 hồ sơ cấp CCCD gắn chip; 19.143 hồ sơ cấp định danh điện tử mức 2 (lũy kế đến ngày 15/02/2024 đã thu nhận 812.841 tài khoản định danh điện tử mức 2, đã kích hoạt 746.894 tài khoản, đạt tỷ lệ kích hoạt 92%).

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 28/02/2024 tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 82,06%; tỷ lệ hồ sơ TTHC số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 79,95%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá 79,70%.

Tiếp tục triển khai tích hợp thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) vào thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip và ứng dụng VNeID. 222/222 cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp đón người bệnh bằng CCCD có gắn chip hoặc qua ứng dụng VNeID.

CSDL quốc gia về Bảo hiểm xã hội: Đến nay, toàn tỉnh có 528.834 tài khoản giao dịch điện tử cá nhân được phê duyệt (tài khoản dùng trên ứng dụng VssID và cổng DVC BHXH Việt Nam). Đã rà soát, làm sạch được 1.261.690/1.268.173 người tham gia BHXH, BHYT (không bao gồm lực lượng vũ trang, người làm công tác cơ yếu, người có quốc tịch nước ngoài), đạt 99,49%.

Triển khai tạo tài khoản an sinh chi trả chính sách xã hội: Tổng số đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đã được tạo tài khoản là 68.158 đối tượng đạt 84,47%. Trong đó: Số tài khoản đối tượng người có công là 15.307 đối tượng, đạt 79%; đối tượng Bảo trợ xã hội là 34.721 đối tượng, đạt 83,4%; đối tượng Hộ nghèo, hộ cận nghèo là 18.130 đối tượng, đạt 92%.

CSDL hộ tịch điện tử: Từ 01/01/2024 đến 26/02/2024, trên địa bàn tỉnh có 4.344 sự kiện hộ tịch phát sinh trên hệ thống hộ tịch điện tử<sup>5</sup> (bằng 81,3% so với cùng kỳ năm 2023).

#### d) Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 08/6/2023 UBND tỉnh về việc Nâng cao chất lượng hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tình hình xử lý hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ đầu năm đến 28/02/2024 đã tiếp nhận 96.093 hồ sơ; đã xử lý 84.818 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt **99,63%** (*Tổng hợp tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình tại Phụ lục II; Chi tiết Kết quả xử lý hồ sơ của các sở, ngành, địa phương tại Phụ lục III kèm theo*).

đ) Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí hoạt động, đổi mới phương thức làm việc

- Hệ thống Quản lý văn bản đi đến và điều hành tỉnh Thái Nguyên: Đến nay đã triển khai cấp trên Hệ thống quản lý văn bản VNPT-iOffice hơn 10.000 tài khoản cho trên 300 đơn vị.

- Đến ngày 28/02/2024, đã cấp 9.068 chứng thư số của Ban Cơ yếu Chính phủ (gồm 660 chứng thư số tổ chức và 8.408 chứng thư số cá nhân) cho các cơ quan, đơn vị và công chức, viên chức trên địa bàn toàn tỉnh. Bảo đảm trang bị 100% chứng thư số chuyên dùng Chính phủ cho cán bộ một cửa và cán bộ tham gia giải quyết thủ tục hành chính.

<sup>5</sup> Trong đó: khai sinh 1.893 trường hợp; khai tử: 914 trường hợp; kết hôn: 764 cặp; nhận nuôi con nuôi: 03 trường hợp; cải chính, thay đổi, bổ sung hộ tịch: 79 trường hợp; nhận cha mẹ con: 11 trường hợp; xác định tình trạng hôn nhân: 672 trường hợp, giám hộ: 08 trường hợp

- Tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ CNTT đối với 03 hệ thống nền tảng là Công thông tin điện tử; Mạng truyền số liệu chuyên dùng; Hội nghị truyền hình bảo đảm liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã và ngược lại. Số cuộc họp trực tuyến đã thiết lập tính từ ngày 01/01/2024 đến nay là 19 cuộc, phục vụ kịp thời, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền.

- Hệ thống thư điện tử tại địa chỉ: [Http://mail.thainguyen.gov.vn](http://mail.thainguyen.gov.vn), đã cấp 16.695 hòm thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; dung lượng mỗi hòm thư được cấp có kích thước tối đa 5Gb; kích thước tập tin tối đa cho phép đính kèm trong hệ thống thư điện tử dùng chung của tỉnh là 20MB.

- Công/trang thông tin điện tử: 100% các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và 177 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được duy trì và vận hành ổn định.

- Sổ tay Đảng viên điện tử (STĐVĐT) được quản lý, vận hành theo Quy chế số 12-QC/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy. Đến nay, STĐVĐT đã được triển khai đồng loạt tại 16 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, kết quả cụ thể:

+ Tổng số đảng viên đã cài đặt, đăng ký thành công/Tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ tỉnh đạt **88.020/98.408** (đạt 89,44%). Số đảng viên chưa cài đặt gồm các trường hợp: Đảng viên dự bị, đảng viên được miễn sinh hoạt, đảng viên không sử dụng điện thoại thông minh (chiếm 9,26%); đảng viên tại các Đảng bộ có tính đặc thù như quân sự, công an (chiếm 1,3%).

+ Ứng dụng STĐVĐT đã có 675 văn bản, tài liệu trên hệ thống; biên soạn và dẫn nguồn 748 tin bài. Đến nay đã có 1.859.665 lượt truy cập vào ứng dụng (trung bình có 77.486 lượt/tháng, 2.582 lượt/ngày).

e) Kết quả triển khai Ứng dụng công dân số C-ThaiNguyen

- Số lượng tải ứng dụng C-ThaiNguyen tính đến 28/02/2024 là 331.620 lượt, trong Quý I/2024 số lượt tải là 44.520 lượt (tăng hơn 85% so với cùng kỳ).

- Số người đăng ký tài khoản trên hệ thống tính đến 28/02/2024 là 106.838, trong đó Quý I/2024 là 194 tài khoản đăng ký (giảm 93% so với cùng kỳ).

- Số thông tin đăng tải trên C-ThaiNguyen tính đến 28/02/2024 là 837, trong đó Quý I/2024 đã thực hiện đăng tải 47 thông tin.

- Số phản ánh tiếp nhận từ ứng dụng C-ThaiNguyen tính đến 28/2/2024 là 3.152 phản ánh, trong đó Quý I/2024 tiếp nhận 124 phản ánh (giảm 50% so với cùng kỳ)<sup>6</sup>.

## 2.6. Kinh tế số

a) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là 31,4%, đứng thứ 3/61 tỉnh, thành phố cả nước<sup>7</sup>.

<sup>6</sup> Gồm 33 phản ánh đang thực hiện trao đổi với công dân; 30 phản ánh đơn vị đang thực hiện xử lý; 61 phản ánh đã thực hiện xong và đăng tải lên hệ thống

<sup>7</sup> Theo Thông cáo báo chí kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP ở Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục thống kê.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số: Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các nhà cung cấp giải pháp triển khai hỗ trợ 1.849 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng các nền tảng số.

Số khóa đào tạo, tập huấn về Chuyển đổi số, ứng dụng, khai thác nền tảng số: 04 hội nghị với 84 doanh nghiệp tham dự.

c) Tính đến hết ngày 31/01/2024 có 519/653 doanh nghiệp, hộ kinh doanh triển khai áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền (trong đó: 119 doanh nghiệp, 400 hộ kinh doanh), đạt tỷ lệ 79,48%.

d) Dịch vụ Mobile Money: Tỉnh Thái Nguyên có 03 doanh nghiệp viễn thông (Viettel Thái Nguyên, VNPT Thái Nguyên, Mobifone Thái Nguyên) triển khai dịch vụ Mobile Money, đến nay có gần 435.000 khách hàng với trên 9.300 điểm chấp nhận thanh toán.

g) Khu Công nghệ thông tin tập trung Yên Bình, tỉnh Thái Nguyên

Ngày 08/12/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu công nghệ thông tin tập trung Yên Bình. Đến nay, Đồ án quy hoạch đang xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

## 2.7. Xã hội số

a) Nền tảng y tế, ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử

Tích hợp thông tin BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) vào thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip và ứng dụng VNeID đã được BHXH Việt Nam và Bộ Công an thực hiện; 100% các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tra cứu thông tin BHYT bằng CCCD có gắn chip điện tử. Đến nay, 100% cơ sở khám chữa bệnh đã tiếp nhận khám chữa bệnh BHYT bằng CCCD với tổng số 1.095.601 lượt tra cứu CCCD và có 965.884 lượt tra cứu thành công; số lượng CCCD được đồng bộ với thẻ BHYT còn hiệu lực để KCB bằng CCCD: 1.158.462/1.183.288 thẻ BHYT; 100% công ty, nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc đã liên thông phần mềm dược quốc gia. Tính đến 25/02/2024 đã có 1.925.493 đơn thuốc liên thông lên hệ thống đơn thuốc quốc gia (dự ước đến 31/3/2024 sẽ có 2,5 triệu đơn thuốc liên thông).

- Hồ sơ sức khỏe điện tử và cài đặt Sổ sức khỏe điện tử: Có 205/213 cơ sở khám chữa bệnh thực hiện kết nối liên thông, có 3.018.467 hồ sơ khám, chữa bệnh liên thông lên hệ thống, có 1.029.023/1.319.084 người dân trong tỉnh có hồ sơ sức khỏe (chiếm 78,01%). Sở Y tế tiếp tục đôn đốc các cơ sở khám chữa bệnh còn lại thực hiện kết nối nhằm làm giàu dữ liệu Hồ sơ sức khỏe điện tử. Số tài khoản cài đặt Sổ sức khỏe điện tử là 598.517 tài khoản.

b) Triển khai Chợ 4.0 - Chợ không dùng tiền mặt: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 156/KH-UBND về việc triển khai nhân rộng mô hình Chợ 4.0 – Chợ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên<sup>8</sup>.

<sup>8</sup> Toàn tỉnh đã triển khai 107 chợ (đạt 100% các chợ đủ điều kiện triển khai)

c) Chuyển đổi số trong giáo dục: Triển khai cấp chữ ký số tập trung của Ban Cơ yếu chính phủ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành sử dụng trong hoạt động chuyên môn của ngành giáo dục. Đã cấp 204 chứng thư số sử dụng giải pháp ký số tập trung.

d) Ứng dụng du lịch thông minh: Tiếp tục duy trì Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Thái Nguyên, bao gồm: Website (mythainguyen.vn), ứng dụng (Thai Nguyen Tourism)<sup>9</sup> hoạt động trên các thiết bị di động, đã được tích hợp trên C- Thái Nguyên.

Về Hệ thống du lịch thông minh phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Thái Nguyên (<http://dulichthongminhthainguyen.vn>): Ngày 28/12/2023, UBND tỉnh có văn bản số 6734/UBND-KGVX về việc cho chủ trương thực hiện nhiệm vụ “Bổ sung, một số tính năng của Hệ thống du lịch thông minh phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên”.

đ) Ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực Giao thông, vận tải: Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đang vận hành và triển khai 06 phần mềm được Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao (phần mềm Quản lý giấy phép lái xe, Dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực vận tải, Dịch vụ công trực tuyến cấp, đổi GPLX, Hệ thống giám sát hành trình, Hệ thống xử lý dữ liệu camera trên xe ô tô kinh doanh vận tải, Hệ thống quản lý bến xe) và 03 phần mềm do Sở Giao thông vận tải xây dựng (phần mềm quản lý vận tải; phần mềm quản lý xe, máy công trình; phần mềm quản lý đào tạo lái xe).

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

#### 1. Kết quả nổi bật

Với sự chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU, sự vào cuộc tích cực của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương, công tác chuyển đổi số của tỉnh tiếp tục đạt được những kết quả tích cực; các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được tăng cường, lan tỏa và tác động tích cực đến đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động và toàn xã hội; các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần thay đổi phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của cơ quan Nhà nước. Các nhiệm vụ Đề án 06 được tích cực triển khai; chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các hoạt động hỗ trợ nâng cao nhận thức, kỹ năng số giúp người dân chủ động, tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tiếp cận các nền tảng số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### 2. Khó khăn, hạn chế

- Người dân tại một số khu vực nông thôn, miền núi trong tỉnh còn hạn chế về kỹ năng số.

<sup>9</sup> Cập nhật: 124 khách sạn, 54 điểm đến, 45 điểm giải trí, 117 nhà hàng, 22 điểm mua sắm trên toàn tỉnh. Thu hút trên 2 triệu lượt truy cập, trên 20 nghìn lượt người tải App.

- Trang thiết bị, thành phần công nghệ thông tin thiết yếu tại bộ phận một cửa của một số đơn vị, địa phương (phục vụ triển khai Đề án 06) chưa đáp ứng yêu cầu theo hướng dẫn tại Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0) và Công văn số 708/BTTTT-CATTT ngày 02/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, thay thế nội dung về an toàn, an ninh mạng tại Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

#### IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II/2024

1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU và Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của UBND tỉnh.


2. Tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2024.

3. Tiếp tục triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ và kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, các đối tượng khác theo kế hoạch, yêu cầu.

4. Hoàn thiện hệ thống Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh kết nối với hệ thống của trung ương phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.


5. Rà soát, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin của tỉnh.

6. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng xã hội số tỉnh Thái Nguyên; phát huy hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số phục vụ nhu cầu thiết yếu.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, Ban cán sự đảng UBND tỉnh trân trọng báo cáo./. 

#### Nơi nhận:

- Như trên,
- Thành viên BCSD UBND tỉnh,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Sở Thông tin và Truyền thông,
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh,
- Lưu: VT, KGVX, TH.

Thaidh/BC01.T3 

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG  
PHÓ BÍ THƯ



**Đặng Xuân Trường**



**PHỤ LỤC I:**

**ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 01-NQ/TU**

(Kèm theo Báo cáo số: 3371-BC/BCSD ngày 15/3/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Kết quả ước tính Quý I/2024	Đánh giá
<b>I</b>	<b>Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động</b>		
1	Trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	100%	<b>Đạt</b>
2	Trên 90% tổng số hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; trên 80% tổng số hồ sơ công việc tại cấp huyện và trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những tổng số hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	90% tổng số hồ sơ tại cấp tỉnh; 65% hồ sơ tại cấp huyện; 40% tổng số hồ sơ tại cấp xã	<b>Đạt</b>
3	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống dùng chung.	100%	<b>Đạt</b>
4	100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.	100%	<b>Đạt</b>

5	Trên 50% các hoạt động kiểm tra của các cơ quan QLNN được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý		<b>Chưa Đạt</b>
6	Phấn đấu đến hết năm 2021, có trên 80% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	100% các dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	<b>Đạt</b>
7	Tập trung đầu tư xây dựng 3 đô thị thông minh, gồm: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên	Đầu tư Trung tâm Điều hành thông minh thành phố Thái Nguyên; thí điểm tại thành phố Sông Công và thành phố Phổ Yên	<b>Đạt</b>
<b>II</b>	<b>Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế</b>		
8	Phấn đấu kinh tế số chiếm trên 20% GRDP	Theo Thông cáo báo chí kết quả biên soạn chỉ tiêu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP, GRDP ở Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Cục thống kê:  - Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP của tỉnh Thái Nguyên năm 2023 là 31,4%, đứng thứ 3/61 tỉnh, thành phố cả nước.	<b>Đạt</b>
9	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%	(chưa có hướng dẫn cụ thể phương pháp tính từ các Bộ, Ngành TU)	<b>Chưa đánh giá</b>
10	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%	Năng suất lao động bình quân chung toàn tỉnh năm 2022 tăng 11,3% so với năm 2021	<b>Đạt</b>
11	Phấn đấu có trên 700 doanh nghiệp số	Toàn tỉnh hiện có 5.079 doanh nghiệp số. Trong đó có 324 doanh nghiệp công nghệ số.	<b>Đạt</b>

<b>III</b>	<b>Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số</b>		
12	Hạ tầng mạng băng thông rộng cấp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình	<i>Đạt 100% đơn vị hành chính cấp xã. Đạt 75% hộ gia đình có cáp quang băng thông rộng</i>	<b>Đạt</b>
13	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh	Đang triển khai <i>(Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 85%; Tỷ lệ hộ gia đình có điện thoại thông minh đạt 97%)</i>	<b>Đạt</b>
14	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%	Cả tỉnh đang có hơn 1,2 triệu tài khoản	<b>Đạt</b>
15	Tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng.	<i>Năm 2022 đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước</i>	<b>Đạt</b>

**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP TỶ LỆ HỒ SƠ ĐƯỢC XỬ LÝ TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH**  
 (Kèm theo Báo cáo số: 3371-BC/BCSD ngày 15/3/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)  
**1. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các sở, ban, ngành**  
 (số liệu từ 01/01/2024 đến 28/02/2024) đạt 98,9%, cụ thể:

TT	Đơn vị	Số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình được xử lý trực tuyến	Số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình được xử lý trực tiếp	Tổng số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình (xử lý trực tuyến và trực tiếp)	Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình (%)
A	B	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)	(4) = (1)/(3)*100
1	Sở Nội vụ	111	0	111	100
2	Sở Ngoại vụ	2	0	2	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	40	0	40	100
4	Sở Tài Nguyên và Môi trường	8.025	8	8.033	99,9
5	Sở Kế hoạch Đầu tư	0	0	0	0
6	Sở Xây dựng	217	1	218	99,5
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	28	0	28	100
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	328	5	333	98,5
9	Sở Y tế	80	0	80	100
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	76	0	76	100
11	Sở Công Thương	4.644	0	4.644	100
12	Sở Tư pháp	2.192	2	2.194	99,9
13	Sở Giao thông vận tải	43	166	209	20,6
14	Sở Thông tin và Truyền thông	10	0	10	100
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16	0	16	100
16	Sở Tài chính	105	0	105	100
17	Ban Dân tộc	0	0	0	0
18	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	19	0	19	100
<b>Tổng</b>		<b>15.936</b>	<b>182</b>	<b>16.118</b>	<b>98,9</b>

**2. Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình đối với các huyện, thành phố**  
(số liệu từ 01/01/2024 đến 28/02/2024) đạt **94,7%**, cụ thể:

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình được xử lý trực tuyến</b>	<b>Số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình được xử lý trực tiếp</b>	<b>Tổng số hồ sơ DVC trực tuyến toàn trình (xử lý trực tuyến và trực tiếp)</b>	<b>Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến toàn trình (%)</b>
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3) = (1)+(2)</i>	<i>(4) = (1)/(3)*100</i>
1	Thành phố Thái Nguyên	2.007	56	2.063	97,3
2	Thành phố Sông Công	436	2	438	99,5
3	Thành phố Phổ Yên	718	36	754	95,2
4	Huyện Phú Bình	529	39	568	93,1
5	Huyện Đồng Hỷ	468	16	484	96,7
6	Huyện Phú Lương	747	40	787	94,9
7	Huyện Đại Từ	757	193	950	79,7
8	Huyện Võ Nhai	345	13	358	96,4
9	Huyện Định Hóa	1.044	1	1.045	99,9
<b>Tổng</b>		<b>7.051</b>	<b>396</b>	<b>7447</b>	<b>94,7</b>



### PHỤ LỤC III

## THỐNG KÊ TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ CỦA CÁC CƠ QUAN

(Kèm theo Báo cáo số: 3371-BC/BCSD ngày 15/3/2024 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						
		Tổng số	Trong đó		Kỳ trước chuyên sang	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết		
			Thực tuyến	Thực tiếp, qua BCCI		Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Nội vụ	164	114	0	50	147	126	21	0	17	17	0
2	Sở Ngoại vụ	2	2	0	0	1	1	0	0	1	1	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	57	56	0	1	53	46	7	0	4	4	0
4	Sở Tài Nguyên và Môi trường	18335	11806	1219	5310	14209	9810	4376	23	4126	4084	42
5	Sở Kế hoạch Đầu tư	2	1	0	1	1	1	0	0	1	0	1
6	Sở Xây dựng	950	237	37	676	851	820	30	1	99	99	0
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41	33	0	8	37	30	7	0	4	4	0
8	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1213	332	493	388	986	970	16	0	227	227	0
9	Sở Y tế	365	273	2	90	299	288	11	0	66	66	0
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	90	90	0	0	88	62	26	0	2	2	0
11	Sở Công thương	4845	4827	2	16	4834	750	4084	0	11	11	0
12	Sở Tư pháp	4390	2278	471	1641	2462	1437	1020	5	1928	1925	3
13	Sở Giao thông vận tải	217	43	167	7	209	191	16	2	8	6	2
14	Sở Thông tin và Truyền thông	13	11	0	2	12	11	1	0	1	1	0

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Kỳ trước	Kỳ chuyên sang	Số hồ sơ đã giải quyết					Số hồ sơ đang giải quyết	
			Trực tiếp, Trục qua BCCI	Trực tuyến			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.899	0	3.881	18	3.864	3605	259	0	35	0	0	
16	Sở Tài chính	106	0	105	1	106	95	11	0	0	0	0	
17	Thanh tra	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Ban Dân tộc	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	
19	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	32	29	0	3	29	27	2	0	3	3	0	
20	Thành phố Thái Nguyên	12.011	10.813	211	987	11.025	8927	2062	36	986	974	12	
21	Thành phố Sông Công	3.677	3.147	17	513	3.391	3029	360	2	286	284	2	
25	Thành phố Yên Yên	6.940	4.374	1.500	1.066	6.211	5347	680	184	729	700	29	
26	Huyện Phú Bình	8.553	7.808	438	307	8.243	6.933	1295	15	310	307	3	
27	Huyện Đông Hỷ	4.351	3.493	312	546	3.896	3.386	500	10	455	454	1	
28	Huyện Phú Lương	7.260	5.969	962	329	7.047	6.456	590	1	213	213	0	
29	Huyện Đại Từ	7.957	5.536	850	1.571	6.967	6.136	804	27	990	983	7	
30	Huyện Võ Nhai	4.836	4.283	197	356	4.512	4.057	449	6	324	322	2	
31	Huyện Định Hóa	7.099	6.651	10	438	6.731	5.841	888	2	368	368	0	
<b>Tổng</b>		<b>97.407</b>	<b>76.192</b>	<b>6.888</b>	<b>14.327</b>	<b>86.213</b>	<b>68.384</b>	<b>17.515</b>	<b>314</b>	<b>11.194</b>	<b>11.090</b>	<b>104</b>	